

Bản án số: **25/2018/DSST**
Ngày: 19-9-2018
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Mạnh Dũng;

Ông Nguyễn Quang Liêu;

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Thanh Tâm – Kiểm sát viên

Trong ngày 19 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 33/2018/TLST – DS ngày 26 tháng 3 năm 2018 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2018/QĐXXST – DS ngày 10 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đoàn Thị X, sinh năm: 1984

Cư trú tại: Thôn 2, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn T, sinh năm: 1967

Cư trú tại: Thôn B, xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước

(Nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13-3-2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 24-4-2018 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Đoàn Thị X trình bày: Do có quan hệ quen biết với ông Lê Văn T nên ngày 19-11-2017 chị đã cho ông Lê Văn T vay số tiền là 295.000.000đ. Các bên thỏa thuận số tiền vay nói trên trả làm 03 lần, lần 1 trả 100.000.000đ vào ngày 19-01-2018 (âm lịch); lần 2 trả 100.000.000đ trả vào tháng 4 năm 2018; lần 3 trả 95.000.000đ trả vào năm 2019. Tuy nhiên, đã quá thời hạn thỏa thuận mà ông Lê Văn T không trả số tiền nói trên nên chị khởi kiện yêu

cầu ông Lê Văn T trả số tiền gốc là 200.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày 19-12-2017 cho đến nay với lãi suất 0,65%/ tháng. Đối với số tiền vay 95.000.000đ còn lại, do chưa đến thời hạn trả nợ nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông Lê Văn T trả tiền lãi theo mức lãi suất theo quy định của pháp luật hiện nay và tính từ ngày ông Lê Văn T vi phạm thời hạn trả nợ cho đến nay.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định về tố tụng.

Ý kiến về giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Lê Văn T phải trả cho chị Đoàn Thị X số tiền gốc là 200.000.000đ, tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Các tài liệu, chứng cứ: Bản tự khai của nguyên đơn chị Đoàn Thị X; Biên bản v/v thu thập tài liệu, chứng cứ lập ngày 27-3-2018; Giấy mượn tiền ngày 19/11/2017 (bản gốc); Giấy chứng nhận bảo hiểm lập ngày 06-5-2016 (bản photo);

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Lê Văn T (là bị đơn) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Lê Văn T.

[2] Xét: Chị Đoàn Thị X khởi kiện ông Lê Văn T yêu cầu trả số tiền vay và tiền lãi. Chị Đoàn Thị X cung cấp giấy mượn tiền đề ngày 19-11-2017 để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định quan hệ pháp luật là “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Trong giấy vay tiền lập ngày 19-11-2017 và biên bản về việc thu thập tài liệu, chứng cứ lập ngày 27-3-2018 ghi nhận ông Lê Văn T đăng ký hộ khẩu tại thôn B, xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định thẩm quyền giải quyết vụ án nói trên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

[3] Tại đơn khởi kiện lập ngày 13-3-2018 có ghi nhận bà Nguyễn Thị Tr là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, vào ngày 06-4-2018 chị Đoàn Thị X có đơn thay đổi nội dung khởi kiện và tại phiên tòa chị Đoàn Thị X xác định khi vay tiền thì bà Nguyễn Thị Tr không có mặt, chị Đoàn Thị X không có tài liệu chứng cứ chứng minh số tiền vay này là nợ chung của ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị Tr nên không yêu cầu bà Nguyễn Thị Tr cùng liên đới với ông Lê

Văn T trả nợ cho chị Đoàn Thị X. Căn cứ vào khoản 4 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định bà Nguyễn Thị Tr không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến giao dịch giữa chị Đoàn Thị X và ông Lê Văn T nên không đưa bà Nguyễn Thị Tr tham gia vụ án với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[4] Xét giao dịch giữa chị Đoàn Thị X và ông Lê Văn T được lập ngày 19-11-2017. Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 nên Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết.

[5] Xét nội dung khởi kiện của nguyên đơn chị Đoàn Thị X yêu cầu ông Lê Văn T trả số tiền vay 200.000.000đ: Chị Đoàn Thị X khai nhận chị có cho ông Lê Văn T vay số tiền là 295.000.000đ, ông Lê Văn T hẹn đến ngày 19-01-2018 (âm lịch) trả 100.000.000đ, đến tháng 4 năm 2018 trả tiếp 100.000.000đ, số tiền còn lại hẹn đến năm 2019 trả. Việc khai nhận của chị Đoàn Thị X phù hợp với nội dung của giấy mượn tiền lập ngày 19-11-2017 do chị Đoàn Thị X giao nộp hợp pháp cho Tòa án (bút lục số 22). Mặt khác, theo nội dung biên bản về việc thu thập tài liệu, chứng cứ ngày 27 tháng 3 năm 2018 (bút lục số (11) Công an xã cho biết: Ông Lê Văn T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương – Thôn B, xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước. Tuy nhiên, hiện nay ông Lê Văn T đã bỏ đi khỏi địa phương, chưa làm thủ tục chuyển khẩu đi nơi khác. Do đó, Công an xã không biết hiện nay ông Lê Văn T sinh sống ở đâu. Căn cứ vào quy định tại điểm e khoản 1 Điều 193 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 5, Điều 6 Nghị quyết số 04/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì việc ông Lê Văn T không có nơi cư trú ổn định được coi là cố tình giấu địa chỉ. Việc ông Lê Văn T vắng mặt coi như tự từ bỏ quyền bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Như vậy, có đủ cơ sở xác định việc ông Lê Văn T vay tiền của chị Đoàn Thị X là thật.

Trong giấy mượn tiền lập ngày 19-11-2017 có ghi nhận: “...*đến ngày 19 tháng 1 âm lịch 2018 tôi trả 100.000.000đ và đến tháng 4 năm 2018 tôi trả tiếp 100.000.000đ*”. Tại phiên tòa chị Đoàn Thị X khai nhận ông Lê Văn T thỏa thuận thời hạn trả nợ như sau: Ngày 19 tháng 01 (âm lịch) năm 2018 trả 100.000.000đ, ngày 19 tháng 4 năm 2018 trả số tiền 100.000.000đ. Như vậy, thời hạn ông Lê Văn T phải trả tiền vay cho chị Đoàn Thị X chậm nhất là ngày 19 tháng 4 năm 2018. Khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn..*”. Như vậy, bên vay tài sản vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị X về việc yêu cầu ông Lê Văn T trả số tiền vay 200.000.000đ là có cơ sở.

[6] Đối với yêu cầu trả tiền lãi tính từ ngày 28-7-2017 cho đến nay: Trong giấy mượn tiền lập ngày 19-11-2017 có ghi nhận: “...*đến ngày 19 tháng 1 âm lịch 2018 tôi trả 100.000.000đ và đến tháng 4 năm 2018 tôi trả tiếp 100.000.000đ*”. Tại phiên tòa chị Đoàn Thị X khai nhận ông Lê Văn T thỏa thuận thời hạn trả nợ như sau: Ngày 19 tháng 01 (âm lịch) năm 2018 trả 100.000.000đ, ngày 19 tháng 4 năm 2018 trả số tiền 100.000.000đ. Như vậy, thời hạn ông Lê Văn T phải trả tiền

vay cho chị Đoàn Thị X chậm nhất là ngày 19 tháng 4 năm 2018. Thời gian chị Đoàn Thị X nộp đơn khởi kiện là ngày 13-3-2018 và thời gian chị Đoàn Thị X nộp đơn khởi kiện bổ sung là ngày 24-4-2018. Tại Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “*Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng dân sự là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm*”. Do đó, yêu cầu trả tiền lãi của chị Đoàn Thị X vẫn trong thời hiệu khởi kiện.

Tại phiên tòa chị Đoàn Thị X khai nhận khi cho ông Lê Văn T vay tiền không thỏa thuận lãi. Tại khoản 4 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “*Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác*”. Thời hạn chậm nhất để ông Lê Văn T trả số tiền vay là ngày 19 tháng 4 năm 2018. Như vậy, yêu cầu của chị Đoàn Thị X về việc yêu cầu ông Lê Văn T trả tiền lãi là có căn cứ. Theo quy định tại khoản 2 Điều 145 của Bộ luật Dân sự 2015, thời hạn được tính theo dương lịch, nên tiền lãi sẽ tính như sau:

Từ ngày 20/01/2018 (âm lịch) tức ngày 06/3/2018 (dương lịch) đến ngày xét xử (ngày 19/9/2018) là 06 tháng 13 ngày x 100.000.000đ x 0,83%/ tháng = 5.339.658đ

Từ ngày 20/4/2018 đến ngày xét xử (ngày 19/9/2018) là 04 tháng 29 ngày x 100.000.000đ x 0,83%/ tháng = 4.122.314đ

Tổng cộng số tiền gốc và tiền lãi ông Lê Văn T phải trả cho chị Đoàn Thị X là 200.000.000đ + 5.339.658đ + 4.122.314đ = 209.461.972đ.

[7] Ngoài ra, trong giấy mượn tiền lập ngày 19-11-2017 có ghi nhận: “*....Số tiền còn lại hẹn đến 2019 tôi trả hết...*”. Tại đơn thay đổi nội dung khởi kiện lập ngày 06-4-2018 và tại phiên tòa, chị Đoàn Thị X khai nhận do số tiền vay 95.000.000đ chưa đến thời hạn trả nợ, chị Đoàn Thị X không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về số tiền vay này.

[8] Về án phí: Khoản 2, khoản 5 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016 quy định: “*Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận*”. Do đó, bị đơn ông Lê Văn T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận là 209.461.972đ x 5% = 10.473.098đ.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

Buộc bị đơn ông Lê Văn T trả cho nguyên đơn chị Đoàn Thị X số tiền vay là 200.000.000đ và tiền lãi 9.461.972đ. Tổng cộng là 209.461.972đ.

2/ Về án phí: Buộc bị đơn ông Lê Văn T phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 10.473.098đ.

Chi cục Thi hành án huyện B, tỉnh Bình Phước hoàn trả lại cho nguyên đơn chị Đoàn Thị X số tiền tạm ứng án phí là 7.519.000đồng theo biên lai thu tiền số 0021859 ngày 26 tháng 3 năm 2018.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3/ Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 19-9-2018), đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND t. Bình Phước ;
- VKSND h. Bù Đăng;
- Chi cục THADS h. Bù Đăng;
- Đương sự;
- Lưu HS – DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thị Phương Hạnh

